

NỘI DUNG ÔN THI LẠI LỊCH SỬ K11 NH 2023-2024
BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY (ĐẦU THẾ KỈ XV)

Câu 1. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Kinh tế phát triển, đất nước thái bình, thịnh trị.** B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
C. Kinh tế trì trệ, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp. D. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra khắp nơi.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Nhà Trần lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu trên nhiều lĩnh vực.**
B. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh bùng lên ở khắp mọi nơi.
C. Đất nước độc lập, tự chủ, kinh tế phát triển hơn so với giai đoạn trước
D. Đất nước có nhiều biến động song nền kinh tế vẫn tiếp tục phát triển.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về chính trị của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Hạn chế gia nô, chủ gia nô chỉ được có một số nô tì nhất định
B. Hạn chế sự phát triển thái quá của Phật giáo và Đạo giáo.
C. Xóa bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất.
D. Thành lập nhiều cơ quan, đặt ra nhiều chức quan mới.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về xã hội của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Sửa đổi nội dung các khoa thi. B. Ban hành quy chế và hình luật mới.
C. Kiểm soát hộ tịch trên cả nước. D. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.

Câu 5. Ý nào sau đây **không** là nội dung cải cách trên lĩnh vực chính trị - hành chính của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Thông qua thi cử để tuyển chọn người đỗ đạt, bổ nhiệm quan lại.
B. Thống nhất bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương.
C. Dời đô từ thành Thăng Long về thành Tây Đô (Thanh Hóa).
D. Đặt chức Hà đê sứ ở các lộ để quản mọi việc trong phủ, châu.

Câu 6. Ý nào sau đây **không** là nội dung cải cách trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Dịch sách chữ Nôm sang chữ Hán.** B. Chấn chỉnh lại chế độ thi cử, mở rộng việc học.
C. Đề cao Nho giáo thực dụng, chống giáo điều. D. Dùng chữ Nôm để chấn hưng văn hóa dân tộc.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Xây dựng phòng tuyến chống giặc trên sông Như Nguyệt.
B. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.
C. Cải tiến vũ khí, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến.
D. Bố trí mai phục và đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.

Câu 8. Tăng cường kiểm tra giám sát quan lại đặc biệt là ở các cấp địa phương là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ trên lĩnh vực

- A. tổ chức chính quyền, luật pháp** B. quân đội, quốc phòng. C. kinh tế, xã hội. D. văn hóa, giáo dục.

Câu 9. Năm 1397, Hồ Quý Ly cho xây dựng công trình kiến trúc nào?

A. Chùa Diên Hựu. B. Tháp Báo Thiên. **C. Thành Tây Đô.** D. Tháp Phổ Minh.

Câu 10. Để ổn định giá lúa gạo, Hồ Quý Ly và triều Hồ đã thi hành chính sách nào sau đây?

- A. Phát hành “ Thông bảo hội sao”. **B. Đặt kho “Thường bình”**
C. Đặt chức quản lý chợ. D. Lập sổ ruộng trên cả nước.

Câu 11. Thành nhà Hồ là di tích lịch sử bắt đầu được xây dưới triều nào?

- A. Nhà Trần.** B. Nhà Lý. C. Nhà Lê. D. Nhà Hồ.

Câu 12. Nhà Hồ thực hiện chính sách hạn điền nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Chia ruộng đất công cho nông dân nghèo. **B. Hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân.**
C. Bảo vệ sức kéo cho sản xuất nông nghiệp. D. Xóa bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất.

Câu 13. Dưới triều Hồ, những tôn giáo nào bị suy giảm vai trò và vị trí so với các triều đại trước?

- A. Nho giáo và đạo giáo. **B. Phật giáo và Đạo giáo.**
C. Hin-đu giáo và Hồi giáo. D. Đạo Thiên chúa và Phật giáo.

Câu 14. Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mang tên là

- A. “Thông bảo hội sao”.** B. “Thái bình thông bảo”.
C. “Thiên phúc trấn bảo”. D. “Thái Đức thông bảo”.

Câu 15. Trong cải cách về văn hóa- giáo dục, nhà Hồ đề cao và khuyến khích sử dụng chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Hán. B. Chữ Quốc ngữ. **C. Chữ Nôm.** D. Chữ Phạn.

Câu 16. Dưới thời nhà Hồ, tiền “ Thông bảo hội sao” được làm từ

- A. vàng. B. bạc. C. đồng. **D. giấy.**

Câu 17. Để tăng cường sức mạnh quân sự, nhà Hồ đã thực hiện biện pháp gì?

- A. Cải cách chế độ học tập, thi cử để chọn người tài. B. Thực hiện chính sách hạn điền, hạn nô.
C. Lập lại kỉ cương, cải tổ quy chế quan lại. **D. Xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia.**

Câu 18. Với cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV, hệ tư tưởng nào từng bước trở thành ý thức hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội Đại Việt?

- A. Nho giáo** B. Phật giáo C. Đạo giáo. D. Thiên chúa giáo

Câu 19. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối

- A. nhân trị. B. đức trị C. kỹ trị. **D. pháp trị.**

Câu 20. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Vai trò, sức mạnh của nhà nước được tăng cường. B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.
C. Lĩnh vực quân đội, quốc phòng được củng cố. **D. Giúp Đại Việt thoát khỏi nguy cơ bị xâm lược.**

Câu 21. Nội dung nào sau đây **không** phải điểm tiến bộ trong cải cách của Hồ Quý Ly?

- A. Hạn chế tập trung ruộng đất trong tay địa chủ. B. Tăng cường quyền lực của chính quyền trung ương.
C. Đưa ra nhiều cải cách văn hóa, giáo dục tiến bộ. **D. Giải phóng hoàn toàn lực lượng nô tì trong xã hội.**

Câu 22. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV có tác động tích cực nào sau đây?

- A. Tăng cường thế lực cho các quý tộc họ Trần.
- B. Giải quyết triệt để mọi mâu thuẫn trong xã hội.
- C. Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.
- D. Bước đầu xác lập mô hình phát triển mới của Đại Việt.**

Câu 23. Nội dung nào dưới đây của cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV tạo điều kiện cho nội thương trong nước phát triển?

- A. Đặt kho “Thương bình”.
- B. Đặt ra chức “Thị giám”.**
- C. Tổ chức khai hoang, di dân.
- D. Thực hiện chính sách hạn nô.

Câu 24. Ý nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự thất bại của cải cách Hồ Quý Ly?

- A. Sự chống đối của quý tộc Trần.**
- B. Tài chính đất nước trống rỗng.**
- C. Đất nước đang diễn ra nội chiến.
- D. Sự uy hiếp của triều Thanh.

Câu 25. Nhà Hồ đã ban hành chính sách ruộng đất nào sau đây?

- A. Hạn điền.**
- B. Quân điền.**
- C. Tịch điền.**
- D. Lộc điền.**

Câu 26. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về tác động của cải cách Hồ Quý Ly đối với tình hình nước ta lúc bấy giờ?

- A. Do tập trung vào chuẩn bị cho chiến tranh, khiến nhân dân đói khổ.
- B. Khiến cho xã hội Đại Việt rối ren, đất nước bị chia cắt.
- C. Củng cố chính quyền trung ương, giảm bớt thế lực của tầng lớp quý tộc.**
- D. Giúp cho đất nước phát triển rực rỡ, đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc.

Câu 27. Trong cải cách Hồ Quý Ly, nội dung nào sau đây nhằm nâng cao dân trí?

- A. Chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến, cải tiến vũ khí.
- B. Chủ trương mở rộng hệ thống trường học, sửa đổi thi cử.**
- C. Ban hành tiền giấy, thu hồi hết các loại tiền đồng.
- D. Hạn chế sự phát triển tràn lan của Phật giáo, Đạo giáo.

Câu 28. Nội dung nào sau đây của cuộc cải cách Hồ Quý Ly thể hiện rõ tinh thần dân tộc, tiên bộ?

- A. Đề cao văn hóa dân tộc, khuyến khích sử dụng chữ Nôm.**
- B. Tăng cường lực lượng quân đội, xây dựng nhiều thành lũy.
- C. Ban hành quy chế và hình luật bảo vệ chế độ hiện hành.
- D. Cải tiến vũ khí, xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia.

Câu 29. Nội dung nào sau đây của cải cách Hồ Quý Ly đã tạo thêm lực lượng lao động trong xã hội?

- A. Hạn chế sở hữu ruộng đất qui mô lớn của tư nhân, quý tộc.
- B. Hạn chế gia nô, chủ gia nô chỉ có một số nô tì nhất định.**
- C. Đưa Nho giáo dần trở thành hệ tư tưởng chính xã hội Đại Việt.
- D. Điều chỉnh chế độ thuế khóa, thống nhất đơn vị đo lường.

Câu 30. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng ý nghĩa của cải cách Hồ Quý Ly?

- A. Đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển phồn thịnh.
- B. Khẳng định tài năng vượt trội của Hồ Quý Ly.
- C. Thể hiện sự ủng hộ của nhân dân đối với triều Hồ.
- D. Bước đầu xác lập mô hình phát triển mới của quốc gia Đại Việt.**

Câu 31. Nhận xét nào sau đây **không** đúng với cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối TK XIV-đầu TK XV?

- A. Đây là cuộc cải cách đầu tiên và toàn diện trong thời văn minh Đại Việt.**

B. Đây là cuộc cải cách toàn diện diễn ra trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội.

C. Đây là cuộc cải cách toàn diện và táo bạo trong thời kì phong kiến nước ta.

D. Đây là cuộc cải cách có nhiều nội dung tích cực, tiến bộ vượt thời đại.

Câu 32. Nội dung trọng tâm của cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối TK XIV- đầu TK XV?

A. Tổ chức bộ máy nhà nước.

B. Kinh tế, xã hội.

C. Giáo dục, văn hóa.

D. Chính trị, quân sự

Câu 33. Ý nào dưới đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly (cuối thế kỉ XIV – XV) và cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)?

A. Góp phần củng cố nền độc lập của quốc gia Đại Việt.

B. Xác lập mô hình phát triển mới của quốc gia Đại Việt.

C. Nhằm thay đổi nền tảng của chế độ phong kiến hiện hành.

D. Nhằm củng cố chế độ quân chủ tập quyền quốc gia Đại Việt

Câu 34. Lĩnh vực nào trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly đã để lại cho nước ta một di sản văn hóa thế giới?

A. Kiến trúc quân sự. **B.** Kỹ thuật chế tạo vũ khí. **C.** Tài chính tiền tệ. **D.** Kiến trúc Phật giáo

Câu 35. Nguyên nhân quyết định dẫn tới sự thất bại của cải cách Hồ Quý Ly?

A. Sự chống đối của quý tộc Trần.

B. Người lãnh đạo không nắm thực quyền.

C. Không được sự ủng hộ của nhân dân.

D. Sự uy hiếp của nhà Minh (Trung Quốc).

Câu 36. Tính dân tộc trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly được thể hiện rõ nhất ở nội dung nào sau đây?

A. Đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính trị nhà nước.

B. Hạn chế sự phát triển của Phật giáo và Đạo giáo trong đời sống của nhân dân.

C. Đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Nôm đặc biệt trong giáo dục và thi cử.

D. Cải cách nghi lễ triều đình và y phục của quan lại theo hướng qui củ, thống nhất.

Câu 37. Nhiệm vụ nào sau đây được coi là sống còn đối với cuộc cải cách của Hồ Quý Ly cuối TK XIV – đầu TK XV?

A. Thoát khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, xã hội đương thời.

B. Giữ vững độc lập trước các thế lực ngoại xâm của quân Minh và Chiêm Thành.

C. Giải quyết hạn chế đang tồn tại của mô hình quân chủ thân dân của nhà Trần.

D. Xây dựng một mô hình nhà nước mới phù hợp, có tính bền vững với xu thế.

Câu 38. Nhiệm vụ nào sau đây được coi là lâu dài mà cuộc cải cách của Hồ Quý Ly cuối TK XIV – đầu TK XV hướng đến?

A. Thoát khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, xã hội đương thời.

B. Xây dựng một nhà nước pháp quyền, dựa trên nền tảng chính sách pháp trị.

C. Giải quyết hạn chế đang tồn tại của mô hình quân chủ thân dân của nhà Trần.

D. Xây dựng một mô hình nhà nước mới phù hợp, có tính bền vững với xu thế.

Câu 39. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly cuối TK XIV – đầu TK XV được nhận xét là

A. đậm nét dân tộc, không mô phỏng.

B. tinh thần dân tộc nhưng hình thức ngoại.

C. vì lợi ích của giai cấp thống trị.

D. diễn ra với nhịp độ nhanh kéo dài.

Câu 40. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly cuối TK XIV – đầu TK XV có vai trò như thế nào với cuộc cải cách của nhà Lê sơ trong giai đoạn sau?

- A.** Tạo ra những nền tảng cơ bản, đặc biệt là tư tưởng giúp nhà Lê sơ đưa chế độ phong kiến đạt đến mức quan liêu.
- B.** Góp phần rút ra bài học kinh nghiệm giúp nhà Lê giành được những thắng lợi trước các thế lực ngoại xâm.
- C.** Tạo ra những tiền đề vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội đưa nhà Lê sơ trở thành thời kì phát triển cao.
- D.** Là cơ sở để nhà Lê sơ kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng hoàn thiện đặc biệt là địa phương.

BÀI 10: CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

Câu 1. Năm 1460, vua Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước

- A.** khủng hoảng, suy thoái. **B. đã từng bước ổn định.**
C. khó khăn và bị chia cắt. **D.** rối ren, cát cứ khắp nơi.

Câu 2. Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

- A. cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực.** **B.** mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.
C. công cuộc thống nhất đất nước. **D.** khuyến khích phát triển ngoại thương.

Câu 3. Nguyên tắc ban cấp ruộng đất của chế độ quân điền là

- A.** lấy ruộng đất công chia cho dân. **B.** ưu tiên phần nhiều cho quan lại.
C. ruộng xã nào chia cho dân xã ấy. **D.** không chia cho trẻ em mồ côi.

Câu 4. Về cải cách hành chính, ở trung ương, vua Lê Thánh Tông cho xóa bỏ hầu hết các chức quan

- A. đại thần.** **B.** thừa ty. **C.** hiến ty. **D.** đô ty.

Câu 5. Năm 1466, ở địa phương, vua Lê Thánh Tông chia đất nước thành

- A.** 10 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô. **B.** 11 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.
C. 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô. **D.** 13 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

Câu 6. Trong bộ máy nhà nước dưới thời vua Lê Thánh Tông, quan lại được tuyển chọn chủ yếu thông qua

- A.** kế vị. **B.** đề cử. **C.** ứng cử. **D. khoa cử.**

Câu 7. Năm 1483, vua Lê Thánh Tông cho ban hành

- A.** Hoàng Việt luật lệ. **B. Quốc triều hình luật.** **C.** Hình luật. **D.** Hình thư.

Câu 8. Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương thời Lê sơ từ sau cải cách của vua Lê Thánh Tông là

- A. đạo thừa tuyên, phủ, huyện, châu, xã.** **B.** phủ Thừa Thiên, châu, huyện, xã, làng.
C. đạo thừa tuyên, phủ, châu, hương, xã. **D.** phủ Thừa Thiên, huyện, châu, xã, làng.

Câu 9. Quân đội dưới thời vua Lê Thánh Tông được gọi là

- A.** thân binh và tân binh. **B.** tân binh và ngoại binh.
C. thủy binh và bộ binh. **D. cấm binh và ngoại binh.**

Câu 10. Để rèn luyện quân đội, nhà Lê sơ ngoài việc duyệt binh sĩ hàng năm còn có quy định nào sau đây?

- A.** Mua sắm vũ khí phương Tây trang bị cho quân đội.
B. Thường xuyên huấn luyện theo kiểu phương Tây.
C. Cứ 3 năm tổ chức một kỳ thi khảo võ nghệ.
D. Mời võ sĩ phương Tây huấn luyện cho quân đội.

Câu 11. Để phát triển kinh tế, vua Lê Thánh Tông đã ban hành các chính sách

- A. lập quan Hà đê sứ và quan quân điền. B. cho đào kênh máng, đắp đê “quai vạc”.
C. lập quan Hà đê sứ và đắp đê “quai vạc”. D. chế độ lộc điền và chế độ quân điền.

Câu 12. Để tôn vinh những người đỗ đại khoa, vua Lê Thánh Tông đã

- A. phong làm quan đại thần. B. dựng bia đá ở Văn Miếu.
C. cấp bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ. D. cử làm thầy đồ dạy học.

Câu 13. Sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông từng bước tiến hành cải cách nhằm mục đích

- A. tăng cường quyền lực của vua và bộ máy nhà nước.
B. đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp tiên tiến.
C. tăng cường bình đẳng, dân chủ và hạn chế phân quyền.
D. xóa bỏ tình trạng phân tán quyền lực, thống nhất đất nước.

Câu 14. Khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông chủ trương xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn ở triều đình trung ương nhằm

- A. giảm công kênh bộ máy hành chính. B. tập trung quyền lực vào tay nhà vua.
C. làm mới lại tổ chức bộ máy nhà nước. D. để bộ máy hành chính không quan liêu.

Câu 15. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, việc dựng bia Tiến sĩ ở Văn Miếu nhằm mục đích

- A. khẳng định nền giáo dục Nho học của nước Đại Việt.
B. ghi số lượng những người đỗ Tiến sĩ qua các kì thi Hội.
C. đề cao Nho học và tôn vinh những người đỗ đại khoa.
D. trùng tu, mở rộng, làm mới Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Câu 16. Một trong những điểm mới và tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật là

- A. đề cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân.
B. bảo vệ tuyệt đối quyền và lợi ích của vua.
C. bảo vệ quyền và lợi ích của quân cấm binh.
D. bảo vệ quyền lợi và địa vị của người phụ nữ.

Câu 17. Trọng tâm trong công cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) là lĩnh vực

- A. kinh tế. B. pháp luật. C. hành chính. D. giáo dục.

Câu 6. Bộ máy chính quyền thời Lê sơ được hoàn chỉnh dưới thời vua

- A. Lê Thái Tổ. B. Lê Thái Tông. C. Lê Nhân Tông. D. Lê Thánh Tông.

Câu 18. Để tập trung quyền lực vào tay nhà vua, Lê Thánh Tông chủ trương

- A. chia cả nước thành 12 đạo thừa tuyên.
B. cho ban hành bộ Quốc triều hình luật.
C. tăng cường lực lượng quân đội triều đình.
D. xóa bỏ hầu hết quan đại thần có quyền lực lớn.

Câu 19. Chính sách cải cách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông đã góp phần khẳng định quyền sở hữu tối cao của Nhà nước tạo nền tảng cho kinh tế nông nghiệp phát triển?

- A. Đồn điền. B. Đê điều. C. Ruộng đất. D. Khẩn hoang.

Câu 20. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa về cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV?

- A. Mở ra khả năng độc lập, tự chủ đầu tiên cho dân tộc ta.
B. Làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia.
C. Tạo thế và lực cho ta đánh bại quân xâm lược Minh.

D. Tạo tiền đề cho cuộc chiến tranh xâm lược phương Bắc.

Câu 21. Nội dung nào dưới đây là một trong những ý nghĩa về cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV?

A. Mở ra khả năng độc lập, tự chủ, thống nhất lâu dài cho dân tộc ta.

B. Tạo cơ sở cho nhà Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

C. Tạo thế và lực cho nước ta đánh bại quân xâm lược Minh, bảo vệ Tổ quốc.

D. Mở ra khả năng mới, tạo tiền đề cho cuộc chiến tranh xâm lược phương Bắc.

Câu 22. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về chức năng của lục Bộ (sáu bộ) dưới thời vua Lê Thánh Tông?

A. Cơ quan giúp việc cho lục Tự (sáu tự).

B. Theo dõi, giám sát hoạt động của lục Khoa.

C. Cơ quan cao cấp chủ chốt trong triều đình.

D. Phụ trách hoạt động quân sự của nhà nước.

Câu 23. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về cuộc cải cách dưới triều vua Lê Thánh Tông?

A. Có tính kế thừa từ trung ương đến địa phương.

B. Có sự nối tiếp từ trung ương đến địa phương.

C. Có tính liên thông từ trung ương đến địa phương.

D. Có tính đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

Câu 24. Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách hành chính ở trung ương của vua Lê Thánh Tông?

A. Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

B. Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.

C. Giữ lại một số ít quan đại thần cùng vua bàn việc khi cần.

D. Tổ chức hoàn thiện cơ cấu, chức năng của lục Bộ (sáu bộ).

Câu 25. Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách hành chính ở địa phương của vua Lê Thánh Tông?

A. Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

B. Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.

C. Đặt đầu Thừa tuyên là Đô ty, Thừa ty, Hiến ty.

D. Dưới đạo thừa tuyên là phủ, huyện, châu và xã.

Câu 26. Điểm tương đồng về quan điểm xây dựng đội ngũ quan lại trong bộ máy nhà nước thời vua Lê Thánh Tông so với công tác xây dựng cán bộ của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là

A. có năng lực và phẩm chất tốt.

B. có năng lực, xuất thân dòng tộc.

C. ưu tiên tuyển chọn con em quan lại.

D. chỉ chú trọng con cháu người có công.

Câu 27. Nội dung nào sau đây **không** phải là kết quả về cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)?

A. Thống nhất cả nước theo hướng tinh gọn.

B. Có sự phân cấp và phân nhiệm minh bạch.

C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

D. Đảm bảo sự chỉ đạo, tập trung quyền lực của vua.

Câu 28. Cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông đã khắc phục được hạn chế nào trong bộ máy nhà nước?

A. Tranh giành địa vị của các hoàng tử.

B. Sự cấu kết của các chức quan đại thần.

C. Bóc lột nông dân của quan địa phương.

D. Sự chuyên quyền và nguy cơ cát cứ.

Câu 29. Điểm giống nhau cơ bản giữa cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mạng là trọng tâm cải cách về

- A. hành chính.** B. giáo dục. C. pháp luật. D. quân đội.

Câu 30. Mô hình quân chủ chuyên chế thời Lê sơ đã ảnh hưởng như thế nào đến các nhà nước phong kiến ở Việt Nam ở giai đoạn sau?

- A. Mô hình thử nghiệm cho các triều đại phong kiến.
B. Trở thành khuôn mẫu cho các triều đại về sau.
C. Đặt nền móng cho sự hình thành chế độ phong kiến.
D. Hình mẫu thí điểm cho các triều đại phong kiến.

BÀI 11. CUỘC CẢI CÁCH CỦA VUA MINH MẠNG (ĐẦU THẾ KỈ XIX)

Câu 1. Nội dung nào **không** phản ánh đúng về bối cảnh thực hiện cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Tình trạng lạm quyền của quan lại địa phương. B. Mâu thuẫn xã hội diễn ra gay gắt.
C. Bộ máy nhà nước chưa hoàn chỉnh. **D. Chế độ quân chủ đang trong thời kì thịnh trị.**

Câu 2. Để củng cố thể chế quân chủ chuyên chế, vào nửa đầu thế kỉ XIX nhà Nguyễn đã

- A. thực hiện chính sách đóng cửa. B. ban hành chính sách kinh tế mới.
C. tiến hành cải cách đất nước. D. tiến hành đổi mới đất nước.

Câu 3. Vào nửa đầu thế kỉ XIX, vị vua nào của triều Nguyễn đã thực hiện công cuộc cải cách?

- A. Gia Long. **B. Minh Mạng.** C. Thiệu Trị. D. Tự Đức.

Câu 4. Về kinh tế, năm 1836, vua Minh Mạng đã thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Giảm tô, giảm thuế. **B. Khôi phục ruộng đất công.**
C. Tiến hành tăng gia sản xuất D. Ban hành tiền giấy.

Câu 5. Để tăng cường tính thống nhất của quốc gia, vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã chia cả nước thành

- A. 12 đạo thừa tuyên và một phủ Thừa Thiên. **B. 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.**
C. lộ (trấn) do An phủ sứ quản lí. D. 63 tỉnh thành.

Câu 6. Dưới thời vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thi hành biện pháp quân sự nào sau đây?

- A. Triển khai cải cách hành chính địa phương trên quy mô cả nước.
B. Quy định lại chính sách thuế với thuyền buôn nước ngoài đến buôn bán.
C. Tiến hành độc tôn Nho giáo, hạn chế Phật giáo và cấm đạo Thiên Chúa giáo.
D. Quân đội được tổ chức theo mô hình và phiên chế của phương Tây.

Câu 7. Một trong những nội dung cải cách kinh tế của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. cải cách thuế đinh và tô ruộng. **B. quy định lại chính sách thuế với thuyền buôn nước ngoài.**
C. quy định thể lệ thuế khóa theo hạng. D. cho phép thương nhân nước ngoài được tự do buôn bán

Câu 8. Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Tiến hành đổi mới đất nước B. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước. D. Đấu tranh giành chính quyền..

Câu 9. Cuộc cải cách Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh

- A. đất nước vừa trải qua thời gian chiến tranh, bị chia cắt lâu dài.**
B. bộ máy hành chính nhà nước phong kiến cơ bản đã hoàn chỉnh.
C. tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất ở địa phương đã khắc phục.

D. vua Gia Long đã tiến hành cuộc cải cách hành chính hoàn chỉnh.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây thuộc lĩnh vực văn hóa trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

A. Triển khai cải cách hành chính địa phương trên quy mô cả nước.

B. Mở trường dạy học, cử người giỏi đi du học ở phương Tây.

C. Xây dựng quân đội theo mô hình phương Tây.

D. Thành lập Quốc sử quán để biên soạn và thu thập sách sử.

Câu 11. Hoạt động nào dưới đây **không** phải nội dung cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

A. nhà nước tuyển chọn quan lại thông qua thi cử.

B. nhà nước không tổ chức thi cử.

C. nhà nước chỉ tuyển chọn con quan lại.

D. nhà nước không chú trọng giáo dục Nho học.

Câu 12. Hàn Lâm Viện có chức năng, nhiệm vụ nào?

A. Khởi thảo văn kiện cho triều đình

B. Giảng dạy kinh sử, đào tạo nhân tài.

C. Chăm sóc sức khỏe cho quan lại

D. Làm lịch, xem ngày giờ,..

Câu 13. Cơ mật viện có chức năng, nhiệm vụ nào?

A. Tiếp nhận và xử lý công văn.

B. Tham mưu, tư vấn cho nhà vua các vấn đề chiến lược về quân sự.

C. Nắm quyền chỉ đạo các quan văn, thay thế vua xử lý một số công việc.

D. Giám sát thi hành luật pháp và quy định triều đình.

Câu 14. Thái y viện có chức năng - nhiệm vụ nào?

A. Soạn thảo văn bản.

B. Giảng dạy kinh sử, đào tạo nhân tài.

C. Chăm sóc sức khỏe

D. Làm lịch, xem ngày giờ,..

Câu 15. Lĩnh vực trọng tâm trong cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. văn hóa.

D. hành chính.

Câu 16. Năm 1829, vua Minh Mạng cho lập Nội các để thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây?

A. Tiếp nhận và xử lý công văn.

B. Phụ trách thuế khóa, hộ tịch.

C. Cố vấn các vấn đề quân sự.

D. Khởi thảo văn kiện cho triều đình.

Câu 17. Trong cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX), đứng đầu tỉnh là

A. chủ tịch tỉnh, bí thư tỉnh uỷ.

B. thị trưởng, chủ tịch tỉnh.

C. tổng đốc, tuần phủ.

D. tỉnh trưởng.

Câu 18. Để khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất,, vua Minh Mạng đã

A. thi hành các biện pháp cải cách, trọng tâm là hành chính

B. áp dụng mô hình chính quyền của phương Tây.

C. dùng quân đội để thi hành chính sách cưỡng bức, ép buộc.

D. tiếp tục duy trì thể chế quân chủ chuyên chế.

Câu 19. Tình hình chính quyền vào năm đầu thời Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

A. bộ máy chính quyền đồng bộ, tập trung.

B. quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế.

C. tình hình an ninh- xã hội ổn định.

D. vua nắm vai trò tuyệt đối lãnh đạo đất nước.

Câu 20. Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

A. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.

B.Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.

C.Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.

D.Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 21. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh tình hình chính quyền vào năm đầu thời Minh Mạng?

A. Thiếu sự thống nhất, đồng bộ, tập trung.

B. Quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế.

C. Tình hình an ninh- xã hội nhiều bất ổn.

D. Ở địa phương, đất nước được chia thành các tỉnh.

Câu 22. Dưới thời vua Gia Long, nhà Nguyễn tập trung chủ yếu vào công cuộc

A. ổn định tình hình đất nước, ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất về mặt lãnh thổ

B. hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.

C. phát triển kinh tế, mở rộng hợp tác với cả phương Đông và phương Tây.

D. xây dựng thành lũy kiên cố, chế tạo súng trường theo kiểu mẫu của Pháp.

Câu 23. Trọng tâm cuộc cải cách của vua Minh Mạng là

A. hành chính.

B. kinh tế.

C. quân sự.

D. đối ngoại.

Câu 24. Năm 1829, vua Minh Mạng cho lập Nội các thay thế cho Văn thư phòng. Cơ quan này **không** có nhiệm vụ.

A. tiếp nhận và xử lý công văn.

B. giúp vua khởi thảo văn bản hành chính.

C. coi giữ ấn tín, lưu trữ châu bản.

D. giám sát việc thi hành luật pháp và quy định của triều đình.

Câu 25. Ở địa phương, điểm đặc biệt trong cải cách của vua Minh Mạng là

A. cải tổ hệ thống Văn thư phòng

B. thành lập Nội các và Cơ mật viện.

C. chia đất nước thành các tỉnh.

D.văn bản hành chính được quy định chặt chẽ.

Câu 26. Thời vua Minh Mạng, ở địa phương, hệ thống hành chính phân cấp theo mô hình từ trên xuống theo thứ tự là

A. Tỉnh, phủ, huyện, châu, xã và tổng.

B. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng và xã.

C.Tỉnh, huyện, phủ, châu, tổng và xã.

D.Tỉnh, huyện, châu, xã, tổng và phủ.

Câu 27. Đối với vùng dân tộc thiểu số, về hành chính, vua Minh Mạng đã

A. đổi các bản, sách, động thành xã.

B.ra lệnh xoá bỏ tập tục truyền thống.

C.xoá bỏ Bắc thành và Gia Định thành.

D.cho triển khai đo đạc lại ruộng đất.

Câu 28. Để bảo vệ chế độ phong kiến, vua Minh Mạng chủ trương độc tôn

A. Nho giáo.

B. Phật giáo.

C. Thiên chúa giáo. D. Đạo giáo.

Câu 29. Nội dung nào sau đây **không** phải là kết quả của cuộc cải cách của vua Minh Mạng?

A. Xây dựng được chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.

B. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.

C. Tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ.

D. Xây dựng chế độ quân chủ trung ương phân quyền cao độ.

Câu 30. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX đã

A. thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

B. thống nhất đất nước về mặt hành chính.

C. xác lập quan hệ ngoại giao với các nước phương Tây.

D. phân chia các tỉnh trên cả nước như hiện nay.

Câu 31. Nhận xét nào sau đây là đúng về ý nghĩa cải cách hành chính của vua Minh Mạng đối với Việt Nam hiện nay?

A. Là cơ sở để phân chia đơn vị hành chính.

B. Tinh giảm bộ máy hành chính.

C. Nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước.

D. Nâng cao hiệu quả trong quản lý dân cư.

Câu 32. Một trong những điểm giống nhau giữa bản đồ hành chính thời Minh Mạng với bản đồ hành chính hiện nay là

A. Đất nước liền một dải từ Tuyên Quang đến mũi Cà Mau.

B. Đất nước liền một dải từ Cao Bằng đến mũi Cà Mau.

C. Đất nước liền một dải từ Lai Châu đến mũi Cà Mau.

D. Đất nước liền một dải từ Mục Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Câu 33. Đây là thay đổi quan trọng trong cải cách hành chính dưới thời Minh Mạng?

A. Chia cả nước thành 31 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên.

B. Chia cả nước thành 3 vùng. Bắc Thành, Gia Định thành và Trục Doanh.

C. Chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên

D. Chia cả nước thành 3 vùng. Bắc Thành, Gia Định thành và phủ Thừa Thiên.

Câu 34. Một trong những di sản to lớn của cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu XIX còn giá trị đến ngày nay là

A. chế độ “hồi ty” mở rộng.

B. cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh.

C. chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.

D. phân chia quyền lực cấp dưới thành lục Bộ.

Câu 35. Từ thực tiễn cuộc cải cách của Minh mạng nửa đầu XIX, Việt Nam có thể rút ra biện pháp nào sau đây để giảm bớt những tiêu cực trong nền hành chính nhà nước hiện nay?

A. Phép “hồi ty”.

B. Án sát sứ ty.

C. Đốc học.

D. Lưu quan

Câu 36. Điểm khác biệt căn bản trong nội dung cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu XIX so với cuộc cải cách Lê Thánh Tông thế kỉ XV là gì?

A. Chia cả nước làm 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên.

B. Việc quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương.

C. Các phủ, huyện, châu, tổng, xã vẫn giữ như cũ.

D. Địa phương hoạt động theo sự điều hành của triều đình.

Câu 37. Một bài học kinh nghiệm quan trọng từ cuộc cải cách của vua Minh Mạng có thể áp dụng vào việc xây dựng nền hành chính Việt Nam hiện nay là

A. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.

B. Xây dựng bộ máy nhà nước trung ương chặt chẽ.

C. Phân chia cụ thể quyền lực của các cơ quan nhà nước.

D. Chú trọng nhất việc đào tạo nhân tài.

Câu 38. Nhận xét nào sau đây là đúng về ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng nửa đầu XIX?

A. Hệ thống cơ quan hành chính trên cả nước được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ chưa từng có.

B. Thống nhất hệ thống đơn vị hành chính trong cả nước, làm cơ sở cho sự phân chia tỉnh huyện ngày nay.

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương xuống tận các cấp thôn, xóm.

D. Để lại những bài học kinh nghiệm bổ ích về các nguyên tắc xây dựng và tổ hoạt động của bộ máy nhà nước

Câu 39. Nội dung cải cách bộ máy nhà nước trong cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu XIX để lại một trong những bài học kinh nghiệm là

A. nguyên tắc hoạt động của bộ máy nhà nước.

B. coi trọng việc xét xử và giải quyết kiện tụng.

C. Chế độ giám sát được chú trọng tiên quyết. D. Bài học về cải cách giáo dục, khoa cử.

Câu 40. Một trong những mặt tích cực của cuộc cải cách hành chính của Minh Mạng nửa đầu XIX là

A. phát huy thành quả trong cải cách của Hồ quý Ly và Lê Thánh Tông thế kỉ XV.

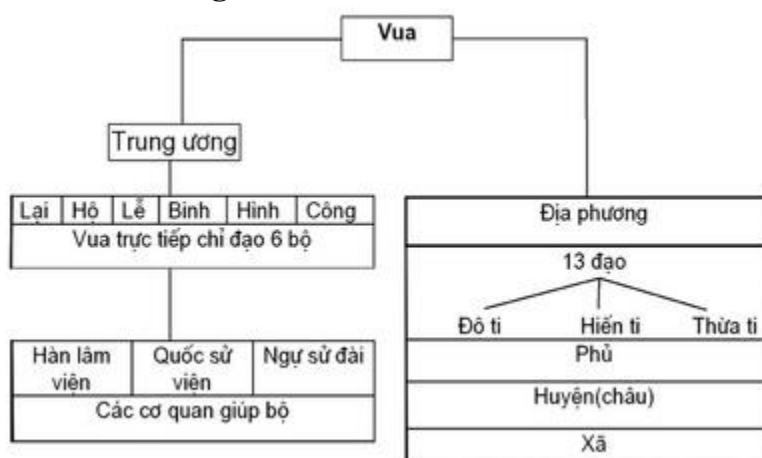
B. đổi mới và thống nhất được hệ thống hành chính quốc gia.

C. giải quyết được khủng hoảng toàn diện của xã hội phong kiến.

D. chuyển sang một hình thái kinh tế- xã hội cao hơn.

TỰ LUẬN:

Câu 1: Dựa vào sơ đồ và những kiến thức đã học em hãy trình bày nội dung cải cách về chính trị và hành chính thời Lê Thánh Tông.



Trả lời:

- Bãi bỏ chức Tể tướng và một số chức danh đại thần khác, nhà vua trực tiếp điều khiển triều đình.

- Bãi bỏ lệ ban quốc tính, quý tộc tôn thất không được lập phủ đệ và quân đội riêng.

- Tổ chức tuyển chọn bộ máy quan lại ở trung ương qua chế độ khoa cử Nho học.

- Từ năm 1466 đến năm 1471, vua Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách quy mô lớn:

+ *Ở trung ương:*

- Đứng đầu bộ máy nhà nước là Hoàng đế.
- Sáu bộ đảm trách những công việc chính yếu của quốc gia.
- Đặt thêm Lục tự và Lục khoa để hỗ trợ và giám sát Lục bộ.
- Hoàn thiện hệ thống cơ quan văn phòng và các cơ quan chuyên môn.

+ *Ở địa phương:*

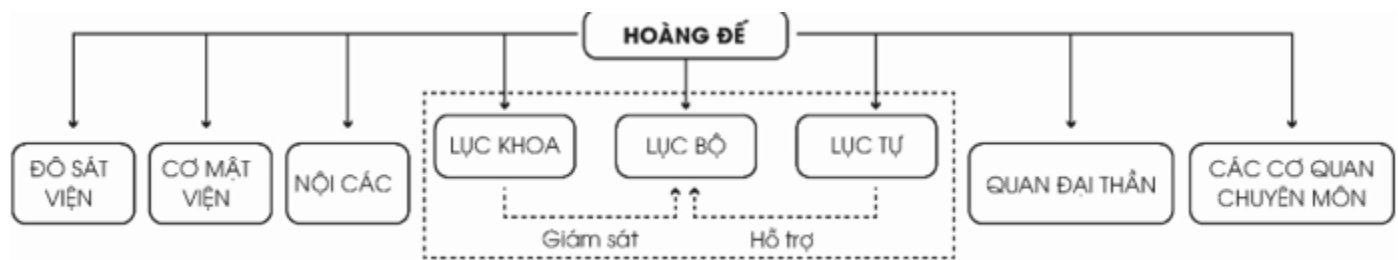
- Cả nước được chia làm 12 đạo, (sau đổi thành thừa tuyên), đến năm 1471 có thêm thừa tuyên Quảng Nam. Đứng đầu thừa tuyên là các Tuyên phủ sứ.
- Hệ thống cơ quan chuyên trách gồm: Thừa ty (dân sự), Đô ty (quân sự) và Hiến ty (tư pháp).
- Kinh thành Thăng Long thuộc một đơn vị hành chính đặc biệt gọi là phủ Trung Đô, về sau đổi gọi là phủ Phụng Thiên.
- Đến năm 1490 hoàn thành vẽ bộ bản đồ và được in với tên gọi: Hồng Đức bản đồ sách.

Câu 2: Dựa vào tư liệu và sơ đồ sau em hãy trình bày nội dung cải cách về chính trị và hành chính thời Minh Mạng.

Tư liệu: “Trong thì Nội các ở bên tả, Cơ mật viện ở bên hữu ngoài thì võ có Ngũ quân Đô thống vũ, văn có đường quan Lục bộ: tả hữu có người, trong ngoài giúp nhau. Phàm những việc Lục bộ làm

chưa đúng, thì Nội các hạch ra, những việc Nội các làm chưa hợp lẽ thì Cơ mật viện hạch ra, khiến cho ràng rịt nhau mới mong đến được thịnh trị.”

(Lời dụ của Minh Mạng, theo Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 3, NXB Giáo dục, tr.345)



Sơ đồ tổ chức bộ máy chính quyền trung ương thời Nguyễn từ sau cải cách của Minh Mạng

Trả lời:

- Đổi tên nước Việt Nam thành Đại Nam.
- củng cố địa vị của Nho giáo làm chỗ dựa cho vương quyền.
- Ở cấp trung ương:
 - + Kiện toàn các cơ quan văn phòng trực tiếp giúp việc cho nhà vua (Văn thư phòng, Hàn lâm viện, Cơ mật viện).
 - + Các cơ quan chuyên trách đứng đầu là lục bộ, được quy định chặt chẽ hơn. Thượng thư lục bộ hợp cùng trưởng quan của Đô sát viện, Đại lý tự và Thông chính sứ ty hợp thành Cửu khanh của triều đình.
- Ở địa phương:
 - + Năm 1831 - 1832, vua Minh Mạng bãi bỏ Bắc thành và Gia Định thành, chia cả nước làm 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên (Kinh sư).
 - + Hệ thống hành chính phân cấp gồm: tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng, xã. Cơ quan quản lý cấp tỉnh gồm hai ty là Bố chánh sứ ty (phụ trách đinh, điền, hộ tịch) và Án sát sứ ty (coi về hình án).

Câu 3: Theo em cuộc cải cách của vua Minh Mạng để lại bài học gì cho cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?

Trả lời:

Một số bài học kinh nghiệm từ cuộc cải cách của vua Minh Mạng có thể áp dụng vào việc xây dựng nền hành chính Việt Nam là:

- Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
- Xây dựng cơ cấu bộ máy nhà nước đơn gọn nhẹ, chặt chẽ.
- Phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước.
- Chú trọng hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn nhân tài vào đảm đương các chức vụ trong bộ máy hành chính nhà nước.
- Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát các cơ quan hành chính và đội ngũ cán bộ, công chức có hiệu quả.